

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Kiều

Ông Trương Văn Nghĩa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 26/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn A, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

ĐKTT: Khóm V, phường S, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Huỳnh T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường S, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện lập ngày 04/5/2021 nguyên đơn chị Nguyễn A trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân Phường S, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cưới thì hai vợ chồng chị về sống bên gia đình chồng ở khóm V, phường S, thị xã N. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ

chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hợp ý kiến, thường ngày nói chuyện ra thì hay cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng mệt mỏi, không thể nói chuyện bình thường với nhau, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh T đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng chị đã ly thân với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Sau khi ly thân thì chị dẫn theo đứa con tên Huỳnh Th về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, anh T thì nuôi đứa lớn là Huỳnh V. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị không ai biết.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Huỳnh V, sinh ngày 30/11/2010 và cháu Huỳnh Th, sinh ngày 31/8/2015. Hiện nay cháu V đang sống chung với cha còn cháu Th đang sống chung với mẹ. Hai vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung.

Chị Nguyễn A yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh T.

Về con chung: Chị yêu cầu Tòa án giao cháu Huỳnh V, sinh ngày 30/11/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng. Chị yêu cầu Tòa án giao cháu Huỳnh Th, sinh ngày 31/8/2015 cho chị nuôi dưỡng và chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn anh Huỳnh T vắng mặt, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho anh T được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

3/ Theo biên bản xác minh bà Võ M, lập ngày 06/12/2021 có trình bày như sau:

Bà là mẹ ruột của anh Huỳnh T, hiện nay anh T đi thành phố làm, gia đình cũng thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại. Sau khi cưới thì vợ chồng anh T sống với gia đình bà một thời gian, sau đó thì hai vợ chồng anh T đi thành phố làm. Hiện nay thì hai vợ chồng T cũng đang ly thân với nhau. Khi Tòa án gửi giấy tờ về việc vợ T có yêu cầu ly hôn với T thì gia đình nhận dùm và đều có thông báo cho T biết nội dung. Theo con tôi có ý kiến thì không thống nhất ly hôn với vợ vì còn thương vợ. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng T ly hôn thì về con chung T cũng thống nhất yêu cầu nuôi con của Th, mỗi đứa nuôi một đứa, còn vợ nó không nuôi thì T cũng đồng ý nuôi hết hai đứa con và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. T đi thành phố làm thì có gửi con cho bà nuôi dùm.

4/ Theo biên bản về việc ghi nhận ý kiến con chung đối với cháu Huỳnh V, sinh ngày 30/11/2020, cháu V trình bày như sau:

Cháu hiện nay đang học lớp 5, trường tiểu học V, phường S, thị xã N. Cháu có biết vụ việc cha mẹ cháu xin ly hôn với nhau. Khi cha mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu muốn sống với cha vì cháu đã quen sống với cha và ông bà nội từ nhỏ đến nay, không muốn thay đổi môi trường sống vì sợ ảnh hưởng đến việc học của cháu, việc cháu sống với cha là tự nguyện, không ai ép buộc cháu.

5/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Còn phía bị đơn vắng mặt nhưng không có yêu cầu giải quyết vắng mặt là vẫn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị A và anh T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là Phường S, thị xã N) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình sống chung chị A và anh T không còn quan tâm, yêu thương nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 8/2020 đến nay. Theo đơn kiện của chị A cho rằng không còn tình cảm với anh T và yêu cầu ly hôn với anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A ly hôn với anh T. Về con chung, hai vợ chồng chị A có 02 đứa con chung là cháu V và cháu Th, sau khi ly thân thì chị A nuôi cháu Th, còn anh T nuôi cháu V, các cháu cũng đã quen với môi trường sống của mình sau khi cha mẹ ly thân nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận về yêu cầu con chung của chị A, giao cho chị A nuôi cháu Th, giao cho anh T nuôi cháu V. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn A vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Huỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại Tòa Kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17/4/2013, chị Nguyễn A và anh Huỳnh T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân Phường S, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng ngày. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa

vợ chồng, chị A cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hợp ý kiến, thường ngày nói chuyện ra thì hay cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng mệt mỏi, không thể nói chuyện bình thường với nhau, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị A nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh T, nên chị A và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Còn anh T đã được Tòa án thông báo nội dung khởi kiện nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án, theo biên bản xác minh bà Võ M lập ngày 06/12/2021 là mẹ ruột anh T trình bày sau khi gia đình bà nhận các văn bản tố tụng Tòa án đã gửi cho anh T thì gia đình bà đều thông báo bằng điện thoại cho anh T biết được nội dung các văn bản nhận được nhưng do anh T hiện nay đi làm ăn xa không có về được và con bà cũng thể hiện ý kiến còn thương vợ con không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên chị A và anh T khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị A và anh T không gặp nhau để hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn kiện của chị A vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có động thái nào làm thay đổi ý kiến của chị A. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị A và anh T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T đã không còn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh T.

[3] Con chung: Chị Nguyễn A và anh Huỳnh T có hai con chung là cháu Huỳnh V, sinh ngày 30/11/2010, cháu V hiện nay đang sống chung với anh T và Huỳnh Th, sinh ngày 31/8/2015, cháu Th đang sống chung với chị A. Chị A yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng. sau khi vợ chồng ly thân từ tháng 8/2020 đến nay thì cháu V đã sống với cha, cháu Th đã sống với mẹ, chị A và anh T đều thống nhất mỗi người nuôi một cháu. Cháu Th hiện nay cũng còn nhỏ, còn cháu V hiện nay đã hơn 11 tuổi và theo cháu V thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục được chung sống với cha (anh Thử) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của cháu V và cháu Th được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời cháu V đã hơn 11 tuổi nên cần ghi nhận nguyện vọng của cháu theo đúng tinh thần quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Chị A và anh T thỏa thuận mỗi người nuôi một cháu cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi; còn cháu Th quyết định giao cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho người cha hoặc

mẹ còn lại không trực tiếp nuôi con, không ai được quyền ngăn cản thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Huỳnh T không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn A được ly hôn với anh Huỳnh T.

2/ Về con chung:

+ Giao cháu Huỳnh Th, sinh ngày 31/8/2015 cho chị Nguyễn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Huỳnh T, không ai được quyền ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Giao cháu Huỳnh V, sinh ngày 30/11/2010 cho anh Huỳnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn A, không ai được quyền ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001013 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, chị A đã thực hiện xong phần án phí. Anh Huỳnh T không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường S, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng